

Bản án số: 01/2022/HS-PT

Ngày 04-01-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vương Thị Thu Hà.

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Thanh Loan; bà Hoàng Thị Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Khánh Phương - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 04/01/2022, tại Phòng xét xử Hình sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2021/TLPT-HS ngày 08/11/2021 đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim O do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2021/HS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

**- Bị cáo kháng cáo:** Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 14/12/1984 tại thành phố H, tỉnh Hà Giang; CMND số: xxxxxxxxxx; nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1948 (*đã chết T10/2021*) và bà Triệu Thị S, sinh năm 1950; chồng là Đỗ Tiến M, sinh năm 1983 (*đã ly hôn năm 2020*) và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”; có mặt.

*Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:*

**- Bị hại:** Bà Trần Bích H, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang; có mặt.

**- Người làm chứng:** Ông Tạ Quốc B, bà Ngụy Anh T, ông Nguyễn Xuân T, ông Giàng A K, ông Lê Tuấn A, bà Nguyễn Thị Kim T; (*những người làm chứng đều vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 01/6/2020, Trần Bích H mời Nguyễn Thị Kim O, Tạ Quốc B, Ngụy Anh T, Nguyễn Xuân T, Giàng A K, Lê Tuấn A, Nguyễn Thị Kim T và nhiều người khác đến nhà H ăn cơm, uống rượu. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, khi một số người đã ăn cơm xong và đi về chỉ còn lại H, O, Nguyễn Xuân T, K, B, Ngụy Anh T và Tuấn A ngồi cùng nhau ăn cơm, uống rượu. Lúc này H mang ra nhiều loại rượu khác nhau để mời mọi người uống nên O có ý kiến không uống nhiều loại rượu và không uống rượu mà H vừa mang ra, do đó dẫn đến giữa H và O nảy sinh mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Trong lúc cãi chửi nhau, O đứng dậy đối diện với H cách H khoảng 90cm tay trái cầm 01 chiếc cốc thủy tinh trong suốt có đặc điểm cao 7,8cm, đường kính miệng cốc 07cm, đường kính đáy cốc 05cm đang để trên mặt bàn giờ lên ngang đầu ném về phía H trúng vào vùng trán phải làm H bị thương. Sau khi bị ném, H lao về phía O dùng hai tay cào về phía mặt và người của O, do bị thương ở trán, chảy nhiều máu nên H bị choáng, ngã nằm ra nền nhà và ngay lúc đó được mọi người can ngăn đưa H đến Trạm Y tế xã T cấp cứu.

*Đối với thương tích của bị hại Trần Bích H:* Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 74/TgT ngày 26/6/2020, Trung tâm Pháp y tỉnh Hà Giang kết luận: "Vùng trán phải có 02 vết sẹo: Sẹo 1: Kích thước 3,7 x 0,1cm màu hồng bằng mặt da: 3%; sẹo 2: Kích thước 3cm x 0,1cm: 3%. Gò má phải có vết biến đổi màu sắc da kích thước 1,5cm x 0,1cm; 0,5%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 6%".

Do bị hại Trần Bích H không đồng ý với nội dung kết luận giám định và xác định thị lực mắt trái 20/20; mắt phải 20/20 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vị Xuyên đã ra Quyết định số 03/QĐ-CQĐT ngày 26/7/2020 trưng cầu giám định lại (lần thứ nhất) và Quyết định số 04/QĐ-CQĐT ngày 07/9/2020 trưng cầu giám định lại (lần thứ hai) theo yêu cầu của bị hại.

Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số 4954/C09-TT1 ngày 21/8/2020, Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận "*Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Bích H tại thời điểm giám định là: 9%*".

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 151/TgT ngày 20/10/2020, Viện Pháp y quốc gia kết luận "*Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Trần Bích H do thương tích gây nên tại thời điểm giám là: 9%. Thương tích của Trần Bích H không ảnh hưởng đến mắt phải*".

*Đối với thương tích của bị cáo Nguyễn Thị Kim O:* Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 29/TgT ngày 23/3/2021, Trung tâm Pháp y tỉnh Hà Giang kết luận "*Sẹo mặt trước - ngoài 1/3 dưới cằm tay trái là 01% . Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 01%*".

*Kết quả giám định ADN:* Kết luận giám định số 4936/C09-TT3 ngày 31-8-2020 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận "*Dấu vết màu nâu nghi máu thu giữ tại hiện trường là máu người và là máu của Trần Bích H không phải là máu của Nguyễn Thị Kim O*".

Trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, bị cáo O đã tự nguyện chi trả viện phí và tiền công chăm sóc là 9.625.000đ (*chín triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) cho bị hại H, tại phiên tòa sơ thẩm bị hại H yêu cầu bị cáo O phải bồi thường thêm 35.000.000đ (*ba mươi lăm triệu đồng*) gồm các khoản tiền tổn thất sức khỏe, tinh thần, thẩm mỹ, mất thu nhập.

Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2021/HS-ST ngày 28/9/2021, Tòa án nhân dân huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang đã quyết định:

1. Về tội danh và hình phạt: Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i khoản 1 Điều 51; Điều 48; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Áp dụng khoản 1 Điều 584; Điều 590; Điều 357 Bộ luật dân sự. Áp dụng khoản 2 Điều 136; khoản 2 Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Áp dụng Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH “*quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Kim O phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim O 16 (*mười sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim O phải bồi thường cho bị hại chị Trần Bích H, sinh năm 1985; Số CMND yyyyyyyyyy, cấp ngày 26-3-2017, nơi cấp: Công an tỉnh Hà Giang; địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang số tiền 35.000.000đ (*ba mươi lăm triệu đồng*) gồm tiền sức khỏe, tiền tổn thất về tinh thần, tiền ngày công bị mất thu nhập.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/9/2021, bị cáo Nguyễn Thị Kim O có đơn kháng cáo Bản án số 42/2021/HS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét về tội danh và hình phạt mà Tòa án nhân dân huyện Vị Xuyên xét xử bị cáo. Bị cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” là không đúng, hình phạt áp dụng đối với bị cáo là quá nặng so với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện; đồng thời cho rằng phiên tòa sơ thẩm chưa thật sự khách quan trong việc xét hỏi bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Bị cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang triệu tập đầy đủ người làm chứng đến phiên tòa phúc thẩm, đề nghị xem xét lại tính chất, mức độ của hành vi do bị cáo thực hiện đã đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự hay chưa, nếu phải chịu trách nhiệm hình sự thì xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 15/11/2021, bị cáo Nguyễn Thị Kim O tiếp tục có đơn trình bày ý kiến về việc kháng cáo, bị cáo cho rằng kết luận điều tra và bản án sơ thẩm đã không thể hiện đúng sự việc, thực tế bị hại H là người đánh bị cáo trước; quá trình thực nghiệm điều tra Kiểm sát viên đã hướng dẫn bị cáo phải thể hiện tư thế cầm chiếc cốc ném về phía bị hại H để chụp ảnh lưu hồ sơ vụ án nhưng thực tế bị cáo chỉ cầm cốc hất nước về phía chị H, không may văng vào trán chị H; bị

cáo tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của Điều tra viên và Kiểm sát viên giải quyết vụ án, tiếp tục đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử khách quan, toàn diện vụ án, xem xét lại quyết định về tội danh và hình phạt và trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ban đầu bị cáo Nguyễn Thị Kim O giữ nguyên nội dung kháng cáo. Quá trình tranh tụng công khai tại phiên tòa bị cáo O thừa nhận được ném chiếc cốc vào vùng trán phía bên phải của bị hại H gây thương tích, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện, toàn bộ số tiền bị cáo đã bồi thường cho bị hại 02 lần là 44.625.000đ (*bốn mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) bị cáo nhất trí và không đề nghị xem xét lại. Tuy nhiên, bị cáo O vẫn khẳng định sau khi bị cáo không đồng ý uống nhiều loại rượu bị hại mang ra và đã đổ ca rượu đi, thì bị hại H có những lời lẽ thô tục chửi bới bị cáo nên bị cáo cũng dùng lời lẽ thô tục chửi lại chị H, chị H là người lao đến cào cấu vào mặt, tay của bị cáo trước, gây thương tích cho bị cáo theo kết luận giám định là 1%. Chị H túm cổ áo nhằm mục đích giật cúc áo của bị cáo cho bị cáo xấu hổ nên bị cáo mới bức tức không kiềm chế được bản thân, bị cáo đã cầm chiếc cốc thủy tinh đang để trên bàn ném về phía bị hại trúng vào vùng trán phía bên phải, gây thương tích 9% sức khỏe, do đó bị cáo không nhất trí với tình tiết phạm tội "*Cố tính chất côn đồ*" mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo. Người làm chứng Nguyễn Thị Kim T là người thân của bị hại H, không có mặt tại thời điểm xảy ra xô xát nhưng lại khai là nhìn thấy bị cáo dùng cốc ném bị hại là không đúng thực tế.

Bị hại Trần Bích H bác bỏ lời trình bày của bị cáo O tại phiên tòa, chị H khẳng định mặc dù ngày 01/6/2020 chị đã uống nhiều rượu nhưng chị vẫn tỉnh táo, không say rượu, chị H nhận thức được trong lúc 02 bên cãi vã lẫn nhau, bị cáo O là người cầm chiếc cốc thủy tinh ném vào vùng trán phía bên phải của chị trước thì chị mới lao vào cào cấu mặt bị cáo, do máu chảy nhiều nên chị ngất đi không biết gì. Mặc dù vết thương đã lành nhưng sẹo vẫn còn và thỉnh thoảng vẫn bị đau. Về thương tích 1% dưới cẳng tay trái của bị cáo O không phải do chị gây ra. Chị H nhất trí với phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim O phạm tội "*Cố ý gây thương tích*" với tình tiết "*Dùng hung khí nguy hiểm*" và "*Cố tính chất côn đồ*". Ngoài ra, cách đây khoảng 04 (*bốn*) năm giữa bị cáo và bị hại đã từng xảy ra xô xát, bị cáo dùng tay đã tát vào mặt chị H, sau đó lại xin lỗi chị H và chị H đã bỏ qua. Riêng lần này, bị cáo dùng cốc thủy tinh ném vào trán bị cáo gây thương tích, rất may không vào mắt nên chị cương quyết đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:* Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị Kim O về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo O được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận được cầm chiếc cốc thủy tinh ném vào vùng trán phía bên phải của bị hại gây thương tích nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần xem xét để giảm nhẹ phần nào mức hình phạt cho bị cáo, để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo, xét thấy bị cáo Nguyễn Thị Kim O phạm tội "*Có tính chất côn đồ*" nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bị cáo không có đủ điều kiện được hưởng án treo nên không chấp nhận nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo. Từ những phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2021/HSST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vị Xuyên theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim O phạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim O từ 07 (*bảy*) đến 09 (*chín*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

*Phản tranh luận:* Bị cáo O trình bày từ trước đến nay bị cáo và bị hại không hề có mâu thuẫn, không được dùng tay tát vào mặt bị hại như bị hại đã nêu, vì nếu có mâu thuẫn thì bị cáo và bị hại không thể thân thiết với nhau được. Bị cáo không tham gia tranh luận với Kiểm sát viên, định đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

*Bị hại Trần Bích H:* Kiểm sát viên cho rằng bị cáo O "*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không phù hợp. Vì trong suốt quá trình điều tra bị cáo O đều cho rằng bị cáo chỉ cầm cốc hắt nước vào bị hại chứ không được cầm cốc ném bị hại, kể cả tại phiên tòa hôm nay ban đầu bị cáo O vẫn khai như vậy, nên bị hại không đồng ý áp dụng tình tiết này cho bị cáo O. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Kiểm sát viên đối đáp:* Việc bị cáo O đưa bị hại đi cấp cứu, chăm sóc bị hại tại Bệnh viện và tự nguyện bỏ toàn bộ chi phí trong thời gian bị hại điều trị cũng đã thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo. Ngoài ra, trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo O vẫn thừa nhận thương tích 9% của bị hại là do bị cáo gây ra. Tại phiên tòa hôm nay, ban đầu bị cáo O cho rằng bị cáo cầm chiếc cốc mục đích để hắt nước vào mặt bị hại, qua tranh tụng bị cáo O đã thừa nhận được cầm cốc ném vào vùng trán phía bên phải của bị hại gây thương tích. Do đó, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt

cho bị cáo Nguyễn Thị Kim O.

*Bị cáo nói lời sau cùng:* Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, bị cáo xin được hưởng án treo, vì bị cáo đang nuôi mẹ già và 02 con nhỏ, trong đó người con thứ hai của bị cáo mới được 4 tuổi và bị mắc bệnh tự kỷ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử ngày 28/9/2021, đến ngày 29/9/2021 bị cáo Nguyễn Thị Kim O nộp đơn kháng cáo theo đúng quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về căn cứ định tội và định khung hình phạt đối với bị cáo: Tại giai đoạn điều tra, bị cáo Nguyễn Thị Kim O thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, được thể hiện tại các bản tự khai ngày 22/6/2020, ngày 02/7/2020, ngày 27/11/2020; các biên bản ghi lời khai ngày 05/6/2020, ngày 22/6/2020; biên bản hỏi cung ngày 20/11/2020, cụ thể: Trưa ngày 01/6/2020, trong quá trình ăn cơm, uống rượu tại nhà bà Trần Bích H, do nẩy sinh mâu thuẫn, bị cáo Nguyễn Thị Kim O cầm 01 chiếc cốc thủy tinh trong suốt có đặc điểm cao 7,8cm, đường kính miệng cốc 07cm, đường kính đáy cốc 05cm đang để trên mặt bàn giờ lên ngang đầu ném về phía H trúng vào vùng trán phải làm chị H bị thương. Lời khai của bị cáo Nguyễn Thị Kim O phù hợp với Kết luận giám định pháp y thương tích số 74/TgT ngày 26/6/2020 về cơ chế hình thành vết thương và vật gây thương tích đối với các thương tích trên cơ thể bị hại Trần Bích H; phù hợp với lời khai của bị hại; biên bản thực nghiệm điều tra. Do vậy, việc bị cáo Nguyễn Thị Kim O thay đổi lời khai cho rằng bị cáo chỉ dùng cốc nước hắt vào chị H, không may bị trượt tay nên cốc nước đã trúng vào vùng trán bên phải của chị H là không có căn cứ. Vì hành động hắt cốc nước với tư thế tay cầm cốc từ dưới hướng lên trên không thể tạo ra một lực đủ mạnh để chiếc cốc văng vào người bị hại, tạo nên thương tích 9% như Kết luận giám định pháp y thương tích. Kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo O đã thừa nhận được cầm chiếc cốc thủy tinh ném về phía bị hại trúng vào vùng trán phải gây thương tích 9% sức khỏe cho chị H là đúng. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp “*dùng hung khí nguy hiểm*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét nội dung kháng cáo về việc bị cáo cho rằng phiên tòa sơ thẩm chưa thật sự khách quan trong việc xét hỏi bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào Biên bản phiên tòa ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vi Xuyên, tỉnh Hà Giang thể hiện toàn bộ diễn biến phiên tòa sơ thẩm đã được ghi chép đầy đủ các nội dung theo đúng quy định tại Điều 258 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19/9/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tại phiên tòa sơ

thẩm, những người làm chứng gồm: Ông Tạ Quốc B, bà Ngụy Anh T, ông Nguyễn Xuân T, ông Giàng A K, ông Lê Tuấn A, bà Nguyễn Thị Kim T đều vắng mặt, việc xét xử vắng mặt những người làm chứng được sự nhất trí của bị cáo Nguyễn Thị Kim O được thể hiện tại biên bản phiên tòa. Xét thấy, trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai của những người làm chứng, do đó Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử theo thủ tục chung là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, đồng thời chủ tọa phiên tòa đã công bố lời khai của những người làm chứng vắng mặt theo đúng quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, kháng cáo của bị cáo cho rằng phiên tòa sơ thẩm chưa thật sự khách quan trong việc xét hỏi bị cáo và những người tham gia tố tụng khác là không có căn cứ.

[4]. Đối với tình tiết định khung hình phạt “*Có tính chất côn đồ*” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim O là chưa chính xác. Bởi lẽ, tại Công văn số 38/NCPL ngày 06/01/1976 và tại Hội nghị tổng kết công tác ngành TAND năm 1995 giải thích: “*Khái niệm côn đồ được hiểu là hành động của những tên coi thường pháp luật, luôn luôn phá rối trật tự trị an, sẵn sàng dùng vũ lực và thích (hay) dùng vũ lực để uy hiếp người khác phải khuất phục mình, vô cớ hoặc chỉ vì một duyên cớ nhỏ nhặt là đâm chém, thậm chí giết người...*”. Trong vụ án này, nguyên nhân dẫn đến xảy ra xô xát giữa bị cáo và bị hại là có nguyên cớ, việc bị cáo có những câu nói và hành vi đổ bát rượu đi nhằm mục đích khuyến can bị hại và mọi người không nên uống nhiều loại rượu sẽ bị say và đau đầu không phải là hành động sai trái, vi phạm chuẩn mực đạo đức, lối sống, mà có ý tốt cho bị hại, vì thời điểm đó bị hại H cũng đã trong tình trạng say rượu, được chứng minh bởi “*Biên bản xác minh*” tại Trạm y tế xã T (*bút lục số 138*), người cung cấp thông tin nêu “*Bệnh nhân Trần Thị Bích H, tình trạng bệnh nhân say rượu*”. Hơn nữa, lời khai của bị hại H tại bút lục số 243 xác nhận, sau khi bị cáo O có hành vi đổ bát rượu bị hại vừa rót lần thứ nhất thì chị H và bị cáo O đã xảy ra cãi vã nhau, nhưng liền ngay sau đó chị H và những người khách trong mâm cũng có hành vi ép bị cáo phải uống rượu phạt vì cho rằng bị cáo đã sai tạo ra cho bị cáo sự ức chế.

[5]. Mặt khác, những người làm chứng gồm anh Tạ Quốc B, anh Giàng A K ngồi cùng mâm cơm với bị cáo và bị hại ở cự ly rất gần, có thể chứng kiến diễn biến quá trình xô xát giữa 2 bên rất rõ ràng nhưng những lời khai trước và lời khai sau của chính họ về các tình tiết của vụ án có sự mâu thuẫn với nhau và mâu thuẫn với lời khai của bị hại, bị cáo. Cụ thể, lời khai của anh Tạ Quốc B tại bút lục số 268 thể hiện anh B nhìn thấy chị O cầm cốc trên mặt bàn ném vào vùng mặt, trán bên phải chị H...đến bút lục 270 anh B lại khai khi chị H và bị cáo cãi vã nhau anh đang mãi nói chuyện với chú bộ đội, ngay sau đó anh nghe thấy tiếng cốc vỡ thì anh nhìn về phía phát ra tiếng cốc vỡ thì thấy chị H và bị cáo đang ôm lấy nhau, H ngã ra nền và ngất đi... bút lục số 288 anh Giàng A K khai, do anh đang nói chuyện với vợ chồng anh chị Ngụy Anh T, B nên không để ý, chỉ khi chị H đi cấp cứu tại Trạm y tế xã T thì được O cho biết thương tích

do chị O ném vào mặt chị H, O cầm cốc thủy tinh ném vào mặt chị H anh không để ý, chỉ thấy chị H và O lao vào nhau ... người làm chứng ngồi mâm cơm bên anh như anh Lê Tuấn A lại khai là khi thấy chị H và O xảy ra cãi vã, to tiếng thì đi về nên những diễn biến về sau thế nào anh không biết (*bút lục 291*). Trong giai đoạn điều tra, người làm chứng Nguyễn Xuân T, Tạ Quốc B từ chối tham gia đối chất (*bút lục 266, 267, 274*); người làm chứng Ngụy Anh T đang đi điều trị bệnh không có mặt tại địa phương (*bút lục số 283, 284*), tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm những người làm chứng được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Ngoài ra, Hội đồng xét xử cũng xét thấy, những người làm chứng đều là người quen, bạn bè thân thiết của chị H, được chị H mời đến nhà ăn cơm, vì vậy lời khai của họ có phần không khách quan, vô tư, nên lời khai của họ không phải là chứng cứ vững chắc trong việc giải quyết vụ án.

[6]. Trong các giai đoạn tố tụng bị cáo O đều trình bày gia đình bị hại có lắp đặt hệ thống camera nhưng không được điều tra làm rõ. Tại bút lục số 118, chị H xác nhận gia đình chị có lắp đặt 05 camera an ninh, nhưng tại hiện trường xảy ra vụ việc cố ý gây thương tích không lắp đặt camera, không ghi nhận được hình ảnh. Khi Cơ quan điều tra đề nghị chị H cung cấp đầu thu và mất camera để phục vụ công tác điều tra, chị H cho biết đầu thu camera đã bị hỏng bán sắt vụn không thể cung cấp được, còn mất camera chị H không cung cấp vì lý do gia đình phải sử dụng để bảo đảm an ninh, nếu thu giữ thì phải lắp hệ thống camera mới chị H mới đồng ý giao nộp. Tuy nhiên, khi tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo O trình bày thời điểm bị cáo chăm sóc bị hại trong Bệnh viện, chị H vẫn mở điện thoại cho bị cáo xem các hoạt động của con chị H đang chơi ở nhà, có xem được hình ảnh và nghe rõ âm thanh. Chị H không phản đối ý kiến của bị cáo O nhưng cho rằng sau khi chị ra viện được 02 ngày thì đầu thu camera đã bị đập vỡ không rõ nguyên nhân.

[7]. Như vậy, Cơ quan điều tra mới chứng minh được tỷ lệ 9% thương tích tại vùng trán (*trên cung mày*) phía bên phải của bị hại là do bị cáo Nguyễn Thị Kim O dùng chiếc cốc thủy tinh là hung khí nguy hiểm gây nên, Cơ quan điều tra chưa thu thập đầy đủ, triệt để nguồn chứng cứ để chứng minh làm rõ về diễn biến vụ án, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo theo quy định tại Điều 85 và Điều 88 Bộ luật Tố tụng hình sự; điều đó dẫn tới không có cơ sở vững chắc khẳng định bị cáo là người cầm cốc thủy tinh ném bị hại trước hay bị hại lao vào cào cấu vào vùng mặt, tay, cổ và ngực bị cáo trước. Vì vậy, không có đủ căn cứ để kết luận hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Kim O “*Có tính chất côn đồ*”, là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

[8]. Về việc áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên,

trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thay đổi lời khai cho rằng bị cáo không cố ý ném cốc vào vùng trán của bị hại mà chỉ có ý định hắt nước nhưng không may tay bị trơn nên cốc thủy tinh mới bị văng vào trán của bị hại là không có căn cứ nên bị cáo có thể không được áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo, song việc bị cáo có ý thức chủ động đưa bị hại đi cấp cứu tại Trạm xá, sau đó cùng gia đình chăm sóc bị hại tại Bệnh viện và thanh toán toàn bộ chi phí viện phí, chi phí sinh hoạt cho bị hại và người phục vụ bị hại với tổng số tiền 9.625.000đ (*chín triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) là thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo nên bị cáo vẫn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mới phù hợp.

[9]. Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền 35.000.000đ (*ba mươi lăm triệu đồng*) còn lại theo Bản án sơ thẩm đã tuyên; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; ngoài ra bị cáo còn xuất trình giấy tờ tài liệu chứng minh bị cáo là mẹ đơn thân, là lao động chính trong gia đình phải nuôi 1 mẹ già; 02 con nhỏ trong đó cháu Đỗ Thiên B 04 tuổi bị mắc bệnh tự kỷ, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[10]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo: Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; có 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội "*Có tính chất côn đồ*"; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp được tài liệu chứng cứ mới chứng minh bị cáo là lao động chính trong gia đình nên có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối chiếu quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo nên kháng cáo của bị cáo cần được chấp nhận.

[11]. Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về việc giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, không chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên về việc đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo "*Có tính chất côn đồ*" và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

[12]. Từ những nội dung phân tích, đánh giá trên đây, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Kim O. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 42/2021/HS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vị Xuyên.

[13]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim O được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim O, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2021/HS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim O phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim O 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Kim O cho UBND xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

*Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.*

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”, bị cáo Nguyễn Thị Kim O không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

### Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Vị Xuyên;
- TAND huyện Vị Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Vị Xuyên;
- Công an huyện Vị Xuyên;
- CQTHA Hình sự CA h.Vị Xuyên;
- PV 06 Công an tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vương Thị Thu Hà**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 28-HS:

(1) và (4) ghi tên Tòa án xét xử phúc thẩm; nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao thì ghi: Tòa án nhân dân cấp cao tại (Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh...); nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi Bản án hình sự phúc thẩm, ô thứ hai ghi năm ra Bản án hình sự phúc thẩm (ví dụ: 12/2017/HS-PT).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử phúc thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử phúc thẩm trong nhiều ngày.

(5) ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán; nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1) và họ tên của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) và (4). Nếu vụ án xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) nếu vụ án có một hoặc hai bị cáo kháng cáo hoặc bị kháng cáo, kháng nghị thì ghi đầy đủ họ tên của bị cáo; nếu vụ án có từ ba bị cáo trở lên kháng cáo hoặc bị kháng cáo, kháng nghị thì ghi đầy đủ họ tên của bị cáo trong số các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mức án cao nhất và ghi thêm cụm từ “và các bị cáo khác”. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(12) ghi địa vị pháp lý trong tổ tụng của người kháng cáo (ví dụ: do có kháng cáo của bị cáo (các bị cáo), người bị hại và nguyên đơn dân sự).

(13) ghi tên Viện kiểm sát kháng nghị (nếu có).

(14) ghi tên Tòa án xét xử sơ thẩm.

(15) không ghi các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, bị kháng nghị, nhưng toàn bộ kháng cáo, kháng nghị liên quan đến họ đã được rút trước khi mở phiên tòa.

(16) và (17) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở chính, họ tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(18) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(19) nếu có bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm có xem xét phân của bản án sơ thẩm đối với họ, thì ghi như bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, kháng nghị; nếu Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét phân của bản án sơ thẩm đối với họ thì chỉ cần ghi “Ngoài ra còn có (số lượng) bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị”. Trường hợp vụ án chỉ có một bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị thì ghi “Ngoài ra còn có bị cáo (họ tên) không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị”.

(20) và (21) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi đầy đủ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ “là” ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(22) nếu bị cáo nào có người bào chữa thì ghi họ tên của người bào chữa và nghề nghiệp (Ví dụ: Trần Văn C là Luật sư; Trần Văn D là Bào chữa viên nhân dân).

(23), (24), (25), (26), (27), (28), (29), (30) và (31) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại

phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(32) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(33) trong phần này, ghi tóm tắt nội dung vụ án, quyết định trong bản án sơ thẩm; nội dung kháng cáo, kháng nghị.

(34) trong phần này, ghi nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm, những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị; điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự và của văn bản quy phạm pháp luật khác mà Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ để giải quyết vụ án. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(35) tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(36) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(37) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

**Nơi nhận:**

*Ghi những nơi mà Tòa án cấp phúc thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

